TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HOÀ B** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/DS-ST
Ngày 26/6/2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÒA B , TỈNH HÒA BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Minh Khoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quốc Trung và bà Phạm Thị Nga

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Nga – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa B tham gia phiên toà: Ông Khuất Duy Xuân Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hòa B , xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2018/TLST- DS, ngày 18 tháng 9 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXX-ST, ngày 08 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị T** , sinh năm 1959

Cư trú tại: Số nhà 888, phố Tân Q , đường Trần Hưng Đ , phường Tân T , thành phố Ninh B, tỉnh Ninh Bình, (Vắng mặt có ủy quyền).

Người được nguyên đơn ủy quyền:

Ông **Nguyễn Trung D** , sinh năm 1979

Cư trú tại: Số nhà 165, phố Định Công T , phường Định C , quận Hoàng M , thành phố Hà Nội, (Có mặt)

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị T** , sinh năm 1965

Cư trú tại: Tổ 1, xã Trung M , thành phố Hòa B , tỉnh Hòa Bình, Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 18/9/2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị Tiến trình bày:

Xuất phát từ việc quen biết, nên vào các ngày 16/6/2014; 18/6/2014 và 27/6/2014 bà Đỗ Thị T có cho bà Nguyễn Thị T vay tổng số tiền 155.000.000đ (Một trăm năm

mươi lăm triệu đồng), cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 16/6/2014 bà T cho bà T vay số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng). Lãi suất thỏa thuận 3.000đ /1.000.000đ/1 ngày. Thời gian vay là 03 (Ba) tháng, kể từ ngày 16/6/2014 đến ngày 16/9/2014;

Lần thứ hai: Cùng trong ngày 18/6/2014 bà T cho bà Th vay số tiền 70.000.000đ (Bay mươi triệu đồng). Lãi suất thỏa thuận 3.000đ /1.000.000đ/1 ngày. Thời gian vay là 03 (Ba) tháng, kể từ ngày 18/6/2014 đến ngày 18/9/2014;

Lần thứ ba: Ngày 27/6/2014 bà T cho bà Th vay tiếp số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Lãi suất thỏa thuận 3.000đ /1.000.000đ/1 ngày. Thời gian vay là 06 (Sáu) tháng, kể từ ngày 27/6/2014 đến ngày 27/12/2014;

Cả ba lần bà T cho bà Th vay tiền hai bên đều có lập giấy biên nhận. Ngoài ra bà T có thế chấp khoản vay bằng một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Bà Nguyễn Thị Th , tại thửa đất số số 223, tờ bản đồ số 5, diện tích sử dụng 105m^2 , số bìa 771001. Địa chỉ tại Đường Mương DT 477, xã Gia L , huyện Gia V , tỉnh Ninh Bình.

Quá thời hạn cho vay, bà Th không trả được đồng nào. Do vậy, ngày 12/4/2016 bà T và bà Th có xác lập "Giấy cam kết" với nội dung: "Bà Th xác nhận lại với bà T qua ba lần vay tiền vào các ngày 16/6/2014; 18/6/2014 và 26/6/2014 tổng số tiền vay gốc là 155.000.000đ (Một trăm năm mươi lăm nghìn đồng); Số tiền lãi tính một lần đến hết ngày 12/6/2016 cho ba khoản nợ gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); Bà Th hẹn đến ngày 12/6/2016 sẽ trả đủ số tiền gốc và lãi theo đúng cam kết. Bà Th cam kết, nếu đến hẹn không trả được thì bà T có toàn quyền sử dụng thửa đất số 223, tờ bản đồ số 5, diện tích sử dụng 105m^2 , số bìa 771001. Địa chỉ tại Đường M DT 477, xã Gia L , huyện Gia V, tỉnh Ninh Bình. Sau hạn, trong 05 ngày bắt đầu từ ngày 13/6/2016 đến ngày 16/6/2016 bà T có quyền sang tên, đổi chủ, mua bán, cho tặng.." Nội dung Giấy cam kết được xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Trung M , thành phố Hòa B , tỉnh Hòa Bình.

Quá thời hạn theo nội dung Giấy cam kết, bà T nhiều lần đòi nợ nhưng bà Th không trả, cố tình trốn tránh không thực hiện. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu bà Th phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ theo nội dung Giấy cam kết đã lập ngày 12/4/2016 với tổng số tiền yêu cầu là 255.000.000đ (hai trăn măm mươi lăm triệu đồng).

Tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Th phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền là 255.000.000đ (Hai trăm năm mươi lăm đồng) và phải chịu lãi theo quy định của pháp luật.

Qua trình thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Th đã được tống đạt hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án, bà Thư đều từ trối không ký vào bất cứ biên bản giao nhận nào. Mặc dù vụ án không tiến hành Hòa giải được do vắng mặt của bị đơn (bà Th), bà Th không có yêu cầu phản tố và cũng không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa B phát

biểu ý kiến như sau:

- Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

- Viện tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử;

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, về phía nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của họ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Th vắng mặt trong suốt quá trình thụ lý và giải quyết. Hồ sơ vụ án đã thể hiện đầy đủ việc tống đạt theo đúng quy định của pháp luật luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 1, 2 và 4 Điều 91; Điều 227; và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự (2015); Điều 688 của Bộ luật Dân sự (2015); Điều 255, 256, 298, 427 của Bộ luật Dân sự (2005) và Điều 159 của Bộ luật Tố tụng (2004). Buộc bà Nguyễn Thị Th phải có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị T ố tiền vay gốc là 155.000.000đ và lãi suất theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Th vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa B đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Th . Hội đồng xét xử thấy rằng, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thủ tục phiên tòa cho bà Th , theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn tại phiên tòa là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[2] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo nguyên đơn, trình bày, vào các ngày 16/6/2014; 18/6/2014 và 26/6/2014 bà Đỗ Thị T có cho bà Nguyễn Thị Th vay tổng số tiền gốc là 155.000.000đ (Một trăm năm mươi lăm nghìn đồng), hai bên có lập giấy biên nhận và có thỏa thuận lãi suất và thời hạn vay. Từ đó có đủ căn cứ để xác định quan hệ tranh chấp liên quan đến số tiền trên là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Thuộc trường hợp vay có tính lãi và có thời hạn vay được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự (2015); Điều 471 của Bộ luật dân sự (2005).

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Th phải có trách nhiệm trả cho bà Đỗ Thị T số tiền vay gốc vào các ngày 16/6/2014; 18/6/2014 và 26/6/2014 là 155.000.000đ (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng) và phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bà Đỗ Thị T đã cung cấp cho Tòa án các giấy vay tiền các ngày 16/6/2014; 18/6/2014; 27/6/2014 và Giấy cam kết, ngày 12/4/2016 và kết quả yêu cầu Giám định tài liệu chữ ký và chữ viết.

Thấy rằng, sau khi thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Th đã được tống đạt hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng tất cả mọi lần, bà Th đều từ trối không ký vào biên bản giao nhận. Mặc dù vụ án không tiến hành Hòa giải được do vắng mặt của bị đơn (bà Th), bà Thư không có yêu cầu phản tố và cũng không có ý kiến gì bằng văn bản, liên quan đến chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Do vậy, căn cứ vào khoản 1, 2 và 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự (2015) có thể khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ nên chấp nhận.

Về lãi suất: Đối với các hợp đồng vày tài sản giữa bà Đỗ Thị T và bà Nguyễn Thị Th có thỏa thuận về lãi suất tiền vay là 3.000đ/1.000.000đ/ngày. Sau đó hai bên tính lãi một lần tiền vay gốc 155.000.000đ. Tính từ ngày vay 16/6/20014 đến ngày 12/6/2016 (Ngày viết giấy cam kết) là 2.250 ngày = 100.000.000đ, tương đương với 35,5%/năm là vượt quá mức lãi suất thỏa thuận theo quy định của pháp luật là 15,5%/năm. Do vậy, cần căn cứ vào quy định khoản 2, Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao để điều chỉnh lại mức lãi suất tiền vay mà hai bên đã cam kết cho phù hợp với quy định của pháp luật. Ngoài số tiền nợ gốc, còn phải chịu lãi trên nợ gốc trong hạn; lãi suất trên nợ gốc quá hạn, tính từ ngày quyền và lợi ích của nguyên đơn bị xâm hại cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật để xem xét điều chỉnh lại mức lãi suất theo nội dung Giấy cam kết mà các bên tính một lần với nhau về mức lãi trên nợ gốc trong hạn qua các lần vay như sau:

Khoản 2, Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, quy định: *"Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả theo lãi suất thỏa thuận nhưng không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xác lập":*

+ Từ ngày 16/6/2014 đến ngày 12/6/2016, tiền gốc 70.000.000đ x 13,5%/năm x 727 ngày = 18.822.329 đ;

+ Từ ngày 18/6/2014 đến ngày 12/6/2016 , tiền gốc 70.000.000đ x 13,5%/năm x 725 ngày = 18.770.548 đ;

+ Từ ngày 27/6/2014 đến ngày 12/6/2016, tiền gốc 15.000.000đ x 13,5%/năm 716 ngày = 3.972.329đ.

Tiền lãi sau khi được điều chỉnh lại là: 41.565.205đ (Bốn mươi mốt triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăn linh năm đồng).

"Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả theo lãi suất thỏa thuận nhưng không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xác lập":

+ Từ ngày 13/6/2016 đến ngày 31/12/2016, tiền gốc 155.000.000đ x 13,5%/năm x 201 ngày = 11.523.082đ;

Hợp đồng có lãi, không rõ mức lãi suất: Lãi suất (khoản 2 Điều 468 -10%)

+ Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 26/6/2019, tiền gốc 155.000.000đ x 10%/năm x 906 ngày = 38.473.973đ.

Tổng cộng số tiền lãi phải trả là 91.562.260đ (Chín mươi mốt triệu năm trăm sáu

mươi hai nghìn hai trăm sáu mươi đồng).

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà Nguyễn Thị Th đã dùng để thế chấp khoản vay với bà Đỗ Thị T là không đúng với quan hệ pháp luật dân sự giữa cá nhân với cá nhân trong Hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng. Do vậy, bà Đỗ Thị T phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị Th là đúng với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí và chi phí giám định chứng cứ: Do yêu cầu của nguyên dơn được chấp nhận, nên cần buộc bà Nguyễn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí giám định theo quy định của pháp luật.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bàn Đỗ Thị T là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 1, 2 và 4 Điều 91; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự (2015); Điều 688 của Bộ luật Dân sự (2015); Điều 290, 471; 474; 476 và 478 của Bộ luật Dân sự (2005);

[2] Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T . Buộc bà Nguyễn Thị Th phải có nghĩa vụ trả bà Đỗ Thị T tổng số tiền là 251.062.260đ (Hai trăm năm mươi mốt triệu không trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm sáu mươi đồng). Trong đó: Tiền vay gốc là 155.000.000đ; Lãi phải trả là 91.562.260đ; Tiền chi phí Giám định tài liệu, chứng cứ là 4.500.000đ.

Bà Đỗ Thị T có nghĩa vụ phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Th 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 223, tờ bản đồ số 5, diện tích sử dụng 105m^2 , số bìa 771001 người đứng tên là bà Nguyễn Thị Th . Địa chỉ tại Đường M DT 477, xã Gia L , huyện Gia V , tỉnh Ninh Bình.

Kể từ ngày bà Đỗ Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Th chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm (2015) tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 144, 147 và Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 12.553.113đ (Mười hai triệu năm trăm năm mươi ba nghìn một trăm mười ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

Hoàn lại cho bà Đỗ Thị T số tiền tạm ứng án phí là 6.375.000đ (Sáu triệu ba trăm bay mươi lăm nghìn đồng) đã nộp. Theo biên lai thu tiền số: 0005387, ngày 18/9/2018 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Hòa Bình.

[4] Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/6/2019); Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân 6 sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND TP Hòa Bình;
- Chi cục THA-DS TP Hòa Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Minh Khoa